

Vai trò của vua Trần Thái Tông trong việc thiết lập nền tảng cho sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

Hồ Bảo*

Nhận ngày 12 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 4 năm 2022.

Tóm tắt: Bên cạnh vai trò là một vị vua hiền về mặt trị quốc, Trần Thái Tông còn được biết đến với tư cách là người đã có vai trò quan trọng trong việc tiếp nối, duy trì và phát triển Thiền tông Việt Nam trong giai đoạn chuyển giao quyền lực Lý - Trần. Trên cơ sở nghiên cứu về vai trò của Trần Thái Tông đối với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (TLYT), bài viết này trình bày, làm rõ và phân tích những đóng góp của Trần Thái Tông trong việc chuẩn bị các điều kiện ngoại cảnh thích hợp cho việc hình thành Thiền phái TLYT thông qua các phương diện: thiết lập sự ủng hộ từ chính quyền nhà Trần, nỗ lực thống nhất ba thiền phái lớn, cũng như bước đầu xây dựng nền tảng lý luận và tư tưởng.

Từ khóa: Trần Thái Tông, Trúc Lâm Yên Tử, Thiền tông.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Besides his role as a wise king in terms of national governance, Trần Thái Tông is also known as a person who played an important role in continuing, maintaining, and developing Zen Buddhism in Vietnam during the power transition period between the Lý Dynasty and the Trần Dynasty. Base on research of the role of Trần Thái Tông in the birth of the Trúc Lâm Yên Tử Zen sect, this article presents, clarifies, and analyses the contributions of Trần Thái Tông in preparing the external condition which is suitable for the formation of the Trúc Lâm Yên Tử Zen sect through the following aspects: establishing support from the administration of the Trần Dynasty; efforts to unify the three majors of this Zen sects; and initially building a theoretical and ideological foundation.

Keywords: Trần Thái Tông, Trúc Lâm Yên Tử, Zen.

Subject classification: Religious studies

* Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: hobao0211@gmail.com

1. Dẫn nhập

Trần Thái Tông (1218-1277) là vị vua khai triều lập đại của nhà Trần, giữ ngôi từ năm 1226-1277. Sự nghiệp trị vì văn võ song toàn của ông được nổi bật bởi chiến công lãnh đạo quân dân ta đánh thắng quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258 và công cuộc kiến thiết đưa đất nước phát triển đến mức thịnh trị về mọi phương diện, từ hành chính, pháp luật đến văn hóa, giáo dục, khoa cử. *Đại Việt Sử ký toàn thư* nhận định ông là một vị vua “khoan nhân đại độ, có lượng để vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy” (Hoàng Văn Lâu (dịch), 1998, tr.7). Không những là một bậc minh quân mà Trần Thái Tông còn khiến xã hội đương thời và hậu thế kính ngưỡng ông với tư cách là một Thiền sư uyên thâm. Nhiều sử liệu có giá trị để lại tới ngày nay đã chứng minh Trần Thái Tông đã sớm quý mến Phật pháp, từ lúc là một vị vua Phật tử hộ pháp nhiệt thành cho đến khi trở thành một bậc Thiền sư hoàng pháp đáng ngưỡng vọng.

Công nghiệp hộ trì và xiển dương đạo pháp lớn lao của Trần Thái Tông một mặt vừa chấn hưng Phật giáo Việt Nam sau quãng thời gian rơi vào những nốt trầm của thời đại, cùng tình trạng với sự suy vi của nhà Lý trước đó; mặt khác, còn chuẩn bị những mầm mống và các điều kiện ngoại cảnh thích hợp để chỉ hơn hai thập kỷ sau, một tông phái Thiền học nội sinh của dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển một cách thuận lợi. Đó chính là Thiền phái TLYT (bắt đầu từ Phật hoàng Trần Nhân Tông (Trúc Lâm Đầu Đà) vào năm 1299 và kéo dài đến tận cuối thế kỷ XIV - khi Phật giáo dần đánh mất vị thế của mình cùng với tình cảnh lịch sử gian nan của dân tộc Việt Nam nói chung và nhà Trần lúc bấy giờ).

Nếu chỉ nghiên cứu sự hình thành của Thiền phái TLYT với góc nhìn siêu hình thì chỉ thấy vai trò to lớn trong việc sáng lập và lãnh đạo của cá nhân Trần Nhân Tông từ thuở sơ khai, nhưng bằng cái nhìn rộng lớn, toàn diện và bao quát hơn thì có thể khẳng định Thiền phái TLYT không phải được hình thành theo một cách tự phát, ngẫu nhiên, trong một thế hệ và bởi một (hoặc vài) người, mà sự ra đời của tông phái này đã được chuẩn bị các điều kiện cần thiết từ trước đó rất nhiều năm, nhiều thế hệ. Và một trong những người đầu tiên chuẩn bị mảnh đất màu mỡ để Trần Nhân Tông gieo vào đó những hạt giống đạo pháp vĩ đại, không ai khác, chính là Trần Thái Tông - vị vua khai triều lập đại của nhà Trần trong lịch sử nước ta.

Vai trò của vua Trần Thái Tông, trong mối tương quan biện chứng với sự ra đời của Thiền phái TLYT, chính là vai trò thiết lập nền tảng ban đầu để tông giáo này hội tụ đủ các yếu tố (hay chính là các nhân duyên sơ khởi theo Phật học) để Trần Nhân Tông kế thừa, phát huy và tiến lên thay đổi về chất để thành lập nên Thiền phái TLYT. Đây là một tiến trình khách quan, tuần tự, biện chứng và có quy luật; được hình thành và tiếp nối qua nhiều thế hệ.

Do đó, việc nhìn nhận và nghiên cứu một cách nghiêm túc về vai trò của vua Trần Thái Tông đối với việc thiết lập các nền tảng ban đầu cho sự ra đời của Thiền phái TLYT sẽ giúp làm rõ hơn bối cảnh ra đời, mục đích thành lập và dòng chảy tư tưởng Thiền tông được truyền thừa và tiếp nối bởi các vị vua Phật tử hộ trì đạo pháp thời kỳ đầu nhà Trần.

Về vấn đề này, số lượng công trình nghiên cứu hiện không nhiều. Một số tác giả như Nguyễn Lang (1994) trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* nhận định sự ảnh hưởng lớn lao của Trần Thái Tông đã dẫn đến sự sáp nhập của ba thiền phái lớn đưa tới sự hình thành Thiền phái

Trúc Lâm (Nguyễn Lang, 1994, tr.257), đồng thời trình bày một số nội dung về sự nghiệp hoàng hóa đạo pháp của nhà vua, chủ yếu đề cập đến các phương diện tư tưởng nhất tông, vận dụng tư tưởng Phật giáo trong việc thực hành Thiền đạo và quảng bá hình ảnh Phật giáo đến đời sống nhân dân. Thích Phước Đạt (2020) cho rằng “Trần Thái Tông, Tuệ Trung, Trần Thánh Tông được khẳng định là những gương mặt thiền gia đặc pháp tiên phong đặt nền móng tư tưởng và kết nối cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời” (Thích Phước Đạt, 2006, tr.30). Nhìn chung, các tác giả đã trình bày và làm rõ khá đầy đủ về mối liên hệ giữa Trần Thái Tông và Thiền phái TLYT với tư cách là người đặt nền móng đầu tiên, với những đóng góp nhất định về tư tưởng “Phật tại tâm”, phương thức hành trì mang đậm bản sắc Việt Nam và củng cố cơ sở lý luận với nhiều tác phẩm Phật học có giá trị cao. Tuy nhiên, các công trình này dừng lại ở việc nêu một số hành trạng trong cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông trong bức tranh chung về giai đoạn hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm với góc nhìn sử học.

Nhìn chung, các tác giả thường đề cập tới vai trò của Trần Thái Tông trong sự hình thành của Thiền phái TLYT như là một phần của các công trình nghiên cứu về Thiền phái TLYT và Trần Nhân Tông dưới góc độ sử học, hiếm có công trình nào nghiên cứu riêng biệt và chuyên sâu về vấn đề này bằng cách tiếp cận của góc nhìn Phật học. Việc nghiên cứu về sự hình thành của Thiền phái TLYT trước đây hầu hết tập trung vào vai trò của Trần Nhân Tông trong phong trào nhất thể hóa các Thiền phái lớn, riêng vai trò của Trần Thái Tông chỉ được quan tâm như là một trong những người tiên phong xiển dương đạo pháp trong buổi đầu sơ khai, mà chưa nhận thấy công lao của Trần Thái Tông về các mặt ủng hộ chính trị, chuẩn bị lý luận và tư tưởng. Ngoài ra, công tác về mặt con người cũng được nhà vua chú trọng. Bài viết này kế thừa các sử liệu, tư liệu quý giá về cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông trong công cuộc tiếp tục gìn giữ, phát triển Phật giáo. Đồng thời, người viết trình bày các điểm mới làm sáng tỏ vai trò của Trần Thái Tông xoay quanh việc chuẩn bị các nền tảng về mặt chính quyền, nền tảng thống nhất và lý luận, tư tưởng cho sự hình thành Thiền phái TLYT về sau.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích và tiếp cận văn bản lịch sử (chủ yếu là kho tàng di sản văn chương, lý luận của vua Trần Thái Tông còn lưu giữ lại đến ngày nay và diễn giải của các tác giả sau này) nhằm đi sâu làm rõ hành trạng, sự nghiệp và vai trò của vua Trần Thái Tông trong công cuộc xây dựng nền tảng cho sự ra đời của Thiền phái TLYT.

2. Vai trò của Trần Thái Tông trong việc thiết lập nền tảng cho sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

2.1. Thiết lập nền tảng ủng hộ từ chính quyền nhà Trần

Lịch sử các tôn giáo và hệ tư tưởng trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã chỉ ra rằng, một tôn giáo sẽ không thể phát huy đầy đủ các đặc tính tốt đẹp và tiềm năng phát triển của mình nếu như không nhận được sự ủng hộ và bảo trợ từ chính quyền. Thích Mật Thể cho rằng: “Xưa nay, một đạo, một tôn giáo hay một học thuật nào, bao giờ cũng phải dựa theo khuynh hướng chính trị” (Thích Mật Thể, 1960, tr.144). Đây là một hiện tượng xã hội phổ quát đã lặp đi lặp lại nhiều lần, khiến cho nhiều tôn giáo và hệ tư tưởng hưng thịnh

do được ủng hộ cũng như suy tàn vì vấp phải sự chống đối từ tầng lớp thống trị. Minh chứng cho điều này có thể xem xét lịch sử Thiên Chúa giáo: rõ ràng, khi mới hình thành vào những thập kỷ đầu sau Công nguyên, Thiên Chúa giáo đã liên tục vấp phải sự đàn áp, khốc hại từ chính quyền La Mã. Mãi cho tới năm 313, Hoàng đế Đông La Mã là Constantinus Đệ nhất (280-337) mới ban hành sắc lệnh Milan chấm dứt toàn bộ việc đàn áp và nâng đỡ Thiên Chúa giáo trong nhiều mặt, từ cơ sở đó, Thiên Chúa giáo mới bước đầu kiện toàn và phát triển. Các tôn giáo và hệ tư tưởng phương Đông cũng không nằm ngoài quy luật này, ví dụ: điển hình là Nho giáo do Khổng Tử (551 TCN-479 TCN) sáng lập. Mặc dù Nho giáo hiện nay được biết đến như là một hệ tư tưởng chính thống độc tôn trong hơn 2.000 năm tại vùng Đông Á rộng lớn và còn lan rộng ảnh hưởng ra các nước xung quanh, tuy nhiên, từ khi hình thành, Nho giáo liên tục gặp phải nhiều trở ngại và khó khăn, đến từ sự thờ ơ, xem thường của giới cầm quyền các nước chư hầu trong thời Xuân Thu - Chiến Quốc (Trung Quốc) và cuộc khủng hoảng trầm trọng “đốt sách, chôn nho” đưa Nho giáo đến bờ vực diệt vong thời kỳ Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc và cai trị với đường lối tàn bạo, khắc nghiệt (247 TCN-221 TCN).

Các ví dụ điển hình trên đã cho thấy vai trò to lớn của sự ủng hộ từ chính quyền đối với tôn giáo và hệ tư tưởng trong lịch sử. Do đó, Thiên phái TLYT với tư cách là một thành phần của Phật giáo Việt Nam chắc chắn sẽ không thể có một tiến trình hình thành và phát triển tương đối thuận lợi như đã diễn ra trong lịch sử nếu không có một nền tảng ủng hộ từ chính quyền nhà Trần, mà người đầu tiên thiết lập nên nền tảng ấy chính là Trần Thái Tông. Cần lưu ý, tình cảnh dòng chảy truyền thừa Phật giáo đến giai đoạn cuối thời Lý - đầu thời Trần đã rơi vào tình trạng bế tắc, suy thoái trầm trọng. Điều này càng phản ánh mạnh mẽ vai trò của Trần Thái Tông trong việc khẳng định niềm tin và tiếp tục duy trì sự ủng hộ từ chính quyền đối với Phật giáo Việt Nam nói chung và Thiên tông nói riêng.

Cần nhắc lại, Phật giáo Việt Nam cuối thời Lý đã bước đến những trang sử suy vi, mặc dù đông đảo về số lượng tăng đồ nhưng chủ yếu là mượn danh nghĩa tu sĩ để thực hiện những việc không đúng với đạo pháp và lợi ích quốc gia. Năm 1198, tể tướng nhà Lý là Đàm Dĩ Mông phải tâu vua rằng: “Đương nay số tăng đồ và dịch phụ ngang nhau. Chúng tự kết bè lũ, lập càn người chủ, tụ họp từng bọn, làm nhiều điều ô uế. Hoặc ở nơi giới trưởng, tính xá mà công nhiên rượu thịt, hoặc ở chốn tăng phòng tĩnh viện mà riêng tư gian dâm. Ngày ẩn tồ ra như đàn cáo chuột. Chúng bại tục thương giáo, dần thành thói quen. Nếu không cấm đi, để lâu ngày tất càng thêm tệ” (Trần Quốc Vượng (dịch), 2005, tr.164). Vua theo lời tâu của Đàm Dĩ Mông, xuống chiếu buộc sa thải nhiều tăng đồ (Ngô Đức Thọ (dịch), 1998, tr.330). Lúc này, theo Thích Mật Thể (1960), Phật giáo Việt Nam đã “phải bị đình đốn, các nhân tài trong các phái hầu đã kém sút nhiều” (Thích Mật Thể, 1960, tr.144). Ngoài ra, Phật giáo còn là một tôn giáo ủng hộ cho sự thành lập và phát triển của nhà Lý - đối thủ chính trị của nhà Trần trong thời kỳ Trần Thái Tông mới lên ngôi, có thể nói, nếu Trần Thái Tông không phải là một vị vua Phật tử thì chỉ riêng lý do này cũng đủ để tân triều (nhà Trần) giảm bớt ủng hộ hoặc đặt dấu chấm hết cho một tôn giáo đang suy thoái nghiêm trọng vốn gắn chặt tiến trình phát triển với cựu triều (nhà Lý). Bối cảnh khó khăn như đã trình bày trên của Phật giáo Việt Nam thời bấy giờ càng làm nổi bật công lao và vai trò của Trần Thái Tông

trong việc tái thiết lập, duy trì sự ủng hộ từ chính quyền đối với Phật giáo Việt Nam nói chung và Thiền tông nói riêng. Có thể nói, lịch sử đã đặt Trần Thái Tông đóng một vai trò là mắt xích quan trọng trong việc đưa ra quyết định tiếp tục duy trì hay đặt ra rào cản đối với Phật giáo (nói chung, và Thiền tông nói riêng) - một tôn giáo gắn liền với công trạng hộ quốc an dân trong buổi đầu độc lập và cũng chính là tôn giáo đang thoái trào với những biểu hiện ngày càng rõ rệt. Quả thật, nếu Trần Thái Tông không phải là một vị vua ngay từ thời thơ ấu “đã có ý ham say Nội Giáo, tìm hiểu Thiền tông, dốc chí tìm thầy, thành tâm mộ đạo” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.13) thì số phận của Phật giáo và một bộ phận của tôn giáo này là Thiền tông trong ngưỡng giao thời Lý - Trần đã có thể không diễn tiến như lịch sử đã ghi nhận.

Chỉ khoảng một năm sau khi lên ngôi, năm 1227, Trần Thái Tông tổ chức kỳ thi Tam giáo tử, tức là cuộc thi tìm kiếm những người tài giỏi nhằm nối nghiệp ba hệ tư tưởng lớn trong xã hội thời bấy giờ (Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo). Kỳ thi Tam giáo tử tiếp tục được tổ chức vào năm 1247. Điều này đã bước đầu thể hiện sự duy trì mạch dẫn chính thống của Phật giáo nói riêng trong mối tương quan với các hệ tư tưởng khác, đồng thời, có ý nghĩa khuyến học và tạo nguồn nhân lực trong tam giáo để bổ sung vào các chức vụ trong triều đình. Ngoài ra, vua Trần Thái Tông còn sai tu sửa chùa Diên Hựu (năm 1249), ra lệnh đúc 300 quả chuông (năm 1256), và cho lập phẩm vị Tả nhai dành ban cho các vị trong Tăng đạo có kiến thức uyên thâm, tinh thông tôn giáo và thường thỉnh các vị cao tăng vào chầu để bàn luận Phật pháp.

Năm 1231, vua Trần Thái Tông thi hành chính sách “rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ” (Hoàng Văn Lâu (dịch), 1998, tr.13). Việc này được chính sử giải thích bằng giai thoại nhà vua khi chưa dựng nghiệp đế vương, có lần nghỉ chân tại đình trạm thì được một nhà sư tiên đoán mai sau sẽ “đại quý” (Hoàng Văn Lâu (dịch), 1998, tr.13). Mức độ xác tín của giai thoại này có lẽ không cần bàn tới nhưng thông qua chính sách dựng tượng Phật ở các đình trạm (là nơi nghỉ chân) nằm rải rác trên cả nước có thể thấy tầm nhìn và mong muốn quảng bá hình ảnh Phật pháp rộng rãi trên phạm vi lớn của nhà cầm quyền bằng cách thức “hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ” như đã dẫn ở trên. Điều này đã khẳng định niềm tin và sự ủng hộ của chính quyền nhà Trần (đứng đầu là vua Trần Thái Tông) đối với Phật giáo, bởi lẽ, nhân vật trong giai thoại liên quan tới hành trạng nhà vua thuở hàn vi chính là nhà sư Phật giáo và hình tượng được chọn để đắp tượng thờ chính là tượng Phật mà không phải hình tượng Khổng Tử và 72 vị hiền nhân Nho học, cũng không phải là hình tượng Lão Tử hay các vị thần tiên Đạo giáo. Nếu Trần Thái Tông không ủng hộ Phật giáo thì nhân vật đưa ra lời dự báo chính xác về cơ nghiệp họ Trần trong giai thoại trên có lẽ sẽ là một vị Đạo sĩ hoặc một nhà nho. Về việc này, sử thần Ngô Sĩ Liên cũng có lời bình: “Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần” (Hoàng Văn Lâu (dịch), 1998, tr.13).

Sự kiện đánh dấu thái độ dứt khoát chọn Phật giáo và Thiền học là lý tưởng tu học (về sau trở thành tư tưởng chính thống của triều đại) và mầm mống nhân duyên đầu tiên của Trần Thái Tông đối với Thiền phái TLYT chính là sự kiện đêm mộng Ba tháng Tư năm Bính Thân (1236), do mâu thuẫn gay gắt với Thái sư Trần Thủ Độ, Trần Nhân Tông đã bí mật

rời khỏi hoàng thành Thăng Long đến núi Yên Tử, xin theo Thiền sư Đạo Viên tu học. Cần biết Thiền sư Đạo Viên chính là người nối đạo của Thiền sư Hiện Quang (? - 1221; được coi là tổ khai sơn Thiền phái TLYT). Việc tìm đến Thiền phái trong lúc quần bách, hơn nữa là hành động chính thức thừa nhận “chỉ cầu làm Phật, không cầu một vật gì khác” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.17) và “thờ Phật làm thầy” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.61) của Trần Thái Tông, một mặt, có giá trị như một lời tuyên bố Phật giáo và Thiền tông chính là lý tưởng tu học cả đời của Trần Thái Tông - vị quân chủ đầu triều Trần; mặt khác, sự kiện này chính thức thể hiện sự ủng hộ từ chính quyền nhà Trần đối với Phật giáo, vượt lên trên mọi định kiến về giai đoạn suy thoái của Phật giáo cuối thời Lý cũng như lịch sử gắn kết chặt chẽ giữa Phật giáo và tiền triều nhà Lý.

2.2. Thiết lập nền tảng thống nhất ba Thiền phái lớn

Đầu thế kỷ XIII, Thiền tông Việt Nam tồn tại ba Thiền phái lớn là Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi chủ trương lấy nội dung kinh Tượng đầu tinh xá làm căn bản học thuật, chú trọng tư tưởng Bát - nhã và tu tập thiền quán. Thiền phái Vô Ngôn Thông nối tiếp dòng thiền của Lục tổ Huệ Năng, chủ trương đi theo con đường đốn giáo và thực hành đốn ngộ (giác ngộ nhanh chóng). Thiền phái Thảo Đường do Quốc sư Thảo Đường (thời Lý) thành lập, khuynh hướng Thiền học trí thức và thi ca, cơ sở truyền giáo chủ yếu là từ triều đình vua quan nhà Lý, chưa có cơ sở trong xã hội bình dân Đại Việt. Ba Thiền phái này với các nét đặc trưng khác nhau, khuynh hướng hoằng pháp khác nhau đã khiến cho nền Thiền học Đại Việt có phần đa dạng, sinh động nhưng cũng làm cho Thiền học nước ta bị phân tán, tản mát, không tích tụ đủ nội lực để trở thành một tông phái thống nhất, vững chắc và có ảnh hưởng sâu rộng lan tỏa khắp xã hội.

Với lòng nhiệt thành hộ trì đạo pháp của một Phật tử kết hợp với nhãn quan chính trị của một vị quân chủ, Trần Thái Tông đã thể hiện mong muốn kết hợp các Thiền phái lớn để tạo thành một tông phái dân tộc nội sinh hàm chứa học thuyết Phật pháp sinh trưởng trong hoàn cảnh và bản sắc dân tộc, trên cơ sở hỗ tương và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các Thiền phái. Điều này cũng phù hợp với tiến trình phát triển, tiếp thu và giao thoa ảnh hưởng giữa các Thiền phái, ngày càng phản ánh rõ nét xu hướng hỗ tương và kết hợp giữa các tông phái đó. Thiền phái Thảo Đường (có nguồn gốc từ Thiền phái Tuyết Đậu ở Trung Quốc, với đặc tính của một thiền phái bác học trí thức, chủ trương dung hoà Nho giáo và Phật giáo) đã tham gia vào quá trình kết hợp các tông phái Thiền học, Nguyễn Lang cho rằng “... khuynh hướng thiền học trí thức và thi ca đã từ đó ảnh hưởng đến hai thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông” và “Các thiền sư Viên Chiếu và Trí Bảo của phái Vô Ngôn Thông và thiền sư Chân Không của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là những người đã chịu ảnh hưởng nhiều về khuynh hướng thiền học trí thức và thi ca của phái Tuyết Đậu” (Nguyễn Lang, 1994, tr.227). Đồng thời, việc Thiền sư Bản Tịch của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi chủ trương dung hòa hai quan điểm “đốn ngộ” (giác ngộ nhanh chóng) và “tiệm ngộ” (giác ngộ dần dần) và cũng đã phản ánh trào lưu dần dung hợp giữa các Thiền phái. Về phần mình, Trần Thái Tông từng có thời gian

tìm gặp và tu học với Thiền sư Đạo Viên (đệ tử của Thiền sư Hiện Quang - được xem là Tổ thứ nhất của Thiền phái Yên Tử) và phong cho Thiền sư Đạo viên chức vụ Quốc sư. Theo Nguyễn Lang, “một vị quốc sư khác tượng trưng cho sự lãnh đạo nền Phật Giáo thống nhất đời Trần là Nhất Tông quốc sư, đệ tử của Thiền sư Ứng Thuận thuộc thế hệ thứ 16 của Thiền phái Vô Ngôn Thông. Danh từ Nhất Tông mà vua Trần Thái Tông dùng để tôn xưng vị quốc sư hẳn có ý nghĩa về tình trạng thống nhất Phật Giáo trong một tông phái duy nhất” (Nguyễn Lang, 1994, tr.258).

Có thể thấy, Trần Thái Tông mặc dù không trực tiếp tham gia vào công việc nhất thể hóa các Thiền phái lớn, nhưng đã đóng vai trò như một chất xúc tác góp phần khiến cho tiến trình hợp nhất các Thiền phái diễn ra được thuận lợi và nhanh chóng hơn. Điều này không những phù hợp với quá trình vận động của các Thiền phái ở Việt Nam, mà còn đáp ứng được mong muốn của chính quyền nhà Trần trong khi thực hiện chức năng quản lý trật tự xã hội.

2.3. Thiết lập nền tảng lý luận và tư tưởng

Trần Thái Tông không những tạo ra môi trường để ba nhánh Thiền học có thể hòa nhập thành một dòng chảy, mà còn là người chủ động, trực tiếp tham gia không biết mệt mỏi vào công việc chuẩn bị nền tảng lý luận để cổ xúy, đẩy mạnh hơn nữa việc hợp nhất ba Thiền phái lớn nhằm cho phép hội tụ đủ các điều kiện cần thiết cho Trần Nhân Tông thành lập Thiền phái TLYT sau này.

Mặc dù chỉ tại thế 59 năm (1218-1277), tuy nhiên, Trần Thái Tông đã trước tác nhiều công trình thơ văn và tác phẩm về Thiền học, trong bối cảnh còn gánh vác nhiệm vụ gây dựng cơ sở vững chắc cho triều đại mới và chuẩn bị các tiềm lực cần thiết để dân tộc Việt Nam đối phó với nguy cơ chiến tranh đến từ phương bắc. Tác phẩm Thiền học sớm nhất được ghi nhận do Trần Thái Tông sáng tác chính là *Thiền tông chỉ nam*. Mặc dù hiện nay, *Thiền tông chỉ nam* đã thất lạc nhưng bài tựa của tác phẩm này được ghi nhận trong *Khóa hư lục* đã cho ta thấy *Thiền tông chỉ nam* được sáng tác trong khoảng thời gian sớm nhất là sau khi Thái thượng hoàng Trần Thái Tổ băng hà (năm 1234) và được ấn hành rộng rãi sau khi Thiền sư Đạo Viên xuống núi thăm, gặp và luận đạo cùng Trần Thái Tông. Trong cuộc gặp đó, Thiền sư Đạo Viên khuyên vua nên ấn tống rộng rãi để người học về sau có cơ hội tiếp thu.

Ngoài ra, Trần Thái Tông có để lại di sản gồm nhiều tác phẩm Thiền tông (nhưng nay đã thất lạc phần nhiều), gồm: *Kim cương tam muội kinh chú giải*, *Lục thời sám hối khoa nghi*, *Bình đẳng lễ sám văn*, *Khóa hư lục*, *Thi tập*, *Văn tập*, *Chỉ nam ca*, *Thiền tông khóa hư lục*... trình bày quan điểm của nhà vua về Thiền học, giải thích kinh văn, hướng dẫn tu tập nhằm thanh lọc tư tưởng, tập hợp một số phương thức thực hành lễ nghi tôn giáo và tập hợp các bài thơ văn khác của Trần Thái Tông. Các tác phẩm này không những phản ánh tư tưởng của Trần Thái Tông về Thiền học và còn góp phần chuyển giao các tư tưởng này đến thế hệ sau ông một vài thập kỷ để nhập vào trào lưu nhất thể hóa các tông phái.

Ngoài ra, các tác phẩm kể trên kế thừa Thiền tông Việt Nam từ thời Lý, với trụ cột chính là các khái niệm “tánh không”, “Phật tính” để đề cập đến bản thể thế giới và phương thức giác ngộ thông qua “trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật”.

Về tánh không, Trần Thái Tông thể hiện quan điểm của mình về tánh không như là khởi nguyên của vạn vật, là nguồn gốc của mọi vọng tưởng: “Nguyên lai, bốn yếu tố của vật thể thì căn bản không có mà ngũ uẩn cũng không có... Từ nơi không hình không tướng mà nổi lên cái vọng tưởng rồi vọng tưởng trở nên có sắc tướng. Sắc tướng tự ở nơi không mà chân thật. Cái vọng tưởng ấy theo cái không, rồi ở cái không hiện ra có cái vọng, cái mê” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.23) hoặc “bốn đại thân ảo há được lâu dài”, (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.41) thậm chí là “Phật cũng không, tâm cũng không” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.83); bài “Kệ bốn núi” của Trần Thái Tông đã thể hiện cô đọng vũ trụ quan nói trên với hai câu “Bốn núi vách đá thông xanh ngắt/Tĩnh ra vạn vật thấy đều không” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.23). Trong bài “Luận về ngôi thiền” ông còn cho rằng Thiền của Phật giáo Đại thừa phải theo khuôn phép vô biên, vô hình, diệt hết mọi ý niệm. Tánh không còn được Trần Thái Tông nhiều đề cập đến bằng nhiều tên gọi như “chân sắc” trong bài “Thuyết phổ thông về sắc tướng của thân” hay “bản tính”, “chân tâm”, “tự tính”, “chân tính” trong bài “Tựa kinh Kim cương phép tam muội”. Quan điểm về tính không của Trần Nhân Tông cơ bản tán đồng thiền lý Tổ sư Trung Hoa được du nhập sang Việt Nam thời Lý, trên cơ sở xem nội dung Kinh Kim cương là hạt nhân lý luận, cho rằng thế giới mang một thể tính vô biên, vô hạn tuyệt đối và mọi sự vật là giả hợp, hữu vi, với tính không là thuộc tính cố hữu, thể hiện qua các phát biểu “ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” và quan điểm “ngũ uẩn giai không”.

Về Phật tính (còn được nhắc đến với những danh từ “diện mục bản lai”, “đạo thể”, “chân như”), Trần Thái Tông tán thành quan điểm “Phật tính đại đồng”, Phật tính luôn tồn tại trong mọi chúng sinh với các tính chất như nhau. Ông cho rằng “ở đâu vẫn chỉ là một Phật tính mà người ta đều có thể lấy sự tu hành để tìm đến” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.13) thậm chí đến động vật cỏ cây cũng có Phật tính và khả năng giác ngộ, “... cáo rừng còn nghe pháp Bách Trượng, ốc kia cũng hộ Kim cương kinh. Nghìn dặm cá bơi, Phật gọi mà hóa làm con trời. Mãng xà nghe sám hối để lên trời, Rồng [nghe] kinh mà ngộ đạo. Những vật kia còn có thể linh ngộ...” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.45).

Về phương thức hành thiền và ngộ đạo, Trần Thái Tông thừa nhận có nhiều phương pháp tu tập như: phép đốn, phép tiệm, phép thực, phép quyền... nhưng ông lựa chọn phương pháp “đốn ngộ” (còn được ông gọi là “con đường tắt nhất thừa”, “Đốn Thực”) làm phương pháp riêng của bản thân và tự thuật bản thân đã “khoát nhiên đại ngộ” trong một lần đọc Kinh Kim cương. Trần Thái Tông cho rằng Thiền tông không phân biệt người ngộ đạo dù là nam hay nữ, xuất gia hay cư sĩ, ông viết: “Đừng hỏi đại ẩn tiểu ẩn, chớ phân biệt tại gia xuất gia. Chẳng kể tăng tục mà chỉ cần biện tâm, vốn không nam nữ sao nên chấp tướng” (Nguyễn Đăng Thục (dịch), 1972, tr.47). Ông chia những tầng bậc thực hành tu tập áp dụng đối với từng hạng người tu khác nhau, dựa trên năng lực và tín tâm của họ, gồm bậc thượng trí (nhận biết được Phật tâm

và có thể tự lực đốn ngộ), bậc trung trí (lấy niệm Phật và tự lực tiệt ngộ làm phương thức chính) và bậc hạ trí (siêng năng tu hành, này thêm không thoái lui, sau đó dựa vào tha lực mà chứng đắc đạo quả).

Các thiền lý và phương pháp thực hành tu tập này đã trở thành nền móng, về sau được Trần Nhân Tông kế thừa có chọn lọc, giữ gìn, bổ sung và phát huy thành hệ tư tưởng thiền học TLYT. Có thể nói, cơ sở lý luận cho Trần Thái Tông xây dựng đã trở thành đầu gạch nối giữa Thiền tông nhà Lý và Thiền tông nhà Trần, trong đó, Thiền tông thời Lý được kế tục trọn vẹn và phát huy đến đỉnh điểm học thuật vào thời Trần Nhân Tông lập đạo, giúp cho Thiền tông Việt Nam được duy trì liên mạch và thống nhất, không bị đứt gãy bởi các yếu tố chính trị trong bối cảnh thay đổi chế độ cầm quyền và chiến tranh chống ngoại xâm.

3. Kết luận

Khác với đa số các vị quân chủ thời phong kiến - những người luôn khát khao dùng uy vũ để nắm lấy thần quyền lẫn thế quyền một cách tuyệt đối nhằm phục vụ cho nhu cầu thống trị của mình và áp đặt cái tôi của bản thân (Thiên tử) lên toàn xã hội, các vị vua Phật tử (và về sau là Thiền sư) như Trần Thái Tông trong lịch sử nước ta có uy tín tuyệt đối trong tâm trí xã hội về mặt trị quốc lẫn đạo pháp với đường lối quản trị quốc gia đúng đắn và đạo tâm lớn lao. Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Thái Tông đã viết nên những trang sử vàng son cho dân tộc và Thiền học Việt Nam. Không những là một người khai mở triều đại, mang lại luồng sinh khí mới cho đất nước sau thời gian dài trì hoãn, bế tắc cuối thời Lý, Trần Thái Tông còn là người hoàn thành vẻ vang phận sự tiếp nối, phát triển mạch Thiền tông Việt Nam từ nhiều thế hệ trước đã dày công vun đắp và chuyển giao đến các thế hệ kế tiếp để kế tục sự nghiệp của ông. Di sản của ông đã được vua Trần Nhân Tông kế thừa và phát triển lên đỉnh cao bằng dấu mốc hình thành tông phái thiền học nội sinh từ trong lòng dân tộc - Thiền phái TLYT - sau này.

Tài liệu tham khảo

1. Thích Phước Đạt (2006), “Vài suy nghĩ về Lịch sử truyền thừa Thiền phái Trúc Lâm”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 5.
2. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, t.1, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Hoàng Văn Lâu (dịch) (1998), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Thích Mật Thể (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb Minh Đức, Sài Gòn.
5. Ngô Đức Thọ (dịch) (1998), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Thục (dịch) (1972), *Khóa hư lục*, Nxb Khuông Việt, Sài Gòn.
7. Thích Thanh Từ (1996), *Khóa hư lục giảng giải*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Trần Quốc Vượng (dịch) (2005), *Việt sử lược*, Nxb Thuận Hóa, Hà Nội.